

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THÁI BÌNH
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2020/HNGĐ-ST

Ngày 19/8/2020

V/v: Tranh chấp về HN và GD

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI BÌNH TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Chu Thị Tuyết.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Đức Toàn.

2. Ông Vũ Tiến Thịnh.

- Thư ký phiên toà: Bà Đặng Thị Nguyệt - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 106/2020/TLST - HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2020 về Tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2020/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2020 giữa:

1. *Nguyên đơn:* Anh Phạm Thành T, sinh năm 1970.

Nơi cư trú: Tổ 02, phường H, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

2. *Bị đơn:* Chị Lê Thị M, sinh năm 1979;

Nơi ĐKKHKT: Tổ 02, phường H, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

Chỗ ở hiện nay: Thôn 5, xã N, huyện C, tỉnh Gia Lai.

(Tại phiên tòa vắng mặt anh T và chị M).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện xin ly hôn, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Phạm Thành T trình bày và có yêu cầu như sau:*

- Về quan hệ hôn nhân: Anh T và chị M tự nguyện tìm hiểu, đăng ký kết hôn vào ngày 16/7/1997 tại UBND xã Nghĩa Hưng, huyện ChưPah, tỉnh Gia Lai. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại xã Nghĩa Hưng, huyện ChưPah, tỉnh Gia Lai, đến năm 2002 vợ chồng chuyển về tỉnh Thái Bình sinh sống. Vợ chồng chung

sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, do vợ chồng không thống nhất trong việc làm ăn kinh tế. Mâu thuẫn căng thẳng nên chị M tự ý bỏ vào xã N, huyện C, tỉnh Gia Lai sinh sống, vợ chồng sống ly thân nhau từ đó đến nay. Vợ chồng sống ly thân đã lâu, anh T xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh T và chị M đã thống nhất thỏa thuận thuận tình ly hôn. Việc ly hôn anh T và chị M đã suy nghĩ kỹ và hoàn toàn tự nguyện. Anh T đề nghị Tòa án giải quyết cho anh T được ly hôn chị M.

- Về nuôi con chung: Anh T và chị M có hai con chung là con Phạm Thị Phương T, sinh ngày 16/02/1997 và con Phạm Trung N, sinh ngày 04/9/2000. Hiện cả hai con đã trưởng thành, không bị nhược điểm về thể chất và tinh thần nên anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung.

- Về chia tài sản chung: Anh T và chị M có tài sản chung nhưng đã tự thỏa thuận phân chia với nhau xong, vợ chồng không vay nợ chung. Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung của vợ chồng.

** Bị đơn chị Lê Thị M trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị M và anh T tự nguyện tìm hiểu, đăng ký kết hôn vào ngày 15/7/1997 tại xã Nghĩa Hưng, huyện ChưPah, tỉnh Gia Lai. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, hay xảy ra cãi nhau, đánh nhau. Cuối năm 2015 chị M và anh T đã sống ly thân vợ chồng cắt đứt mọi quan hệ. Chị M xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị M và anh T đã thống nhất thỏa thuận thuận tình ly hôn. Việc ly hôn chị M và anh T đã suy nghĩ kỹ và hoàn toàn tự nguyện.

- Về nuôi con chung: Chị M và anh T và có hai con chung là con Phạm Thị Phương T, sinh ngày 16/02/1997 và con Phạm Trung N, sinh ngày 04/9/2000. Hiện cả hai con đã trưởng thành chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung.

- Về chia tài sản chung: Chị M và anh T có tài sản chung nhưng đã tự giải quyết với nhau xong, vợ chồng không vay nợ chung. Chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung của vợ chồng.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình phát biểu ý kiến:

1. Về tố tụng:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Thẩm phán đã xác định đúng thẩm quyền và thụ lý vụ án; thực hiện đầy đủ các thủ tục cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng, quyết định đưa vụ án ra xét xử và thời hạn chuẩn bị xét xử được thực hiện đúng theo thủ tục tố tụng dân sự.

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Về thành phần tham gia xét xử và việc tiến hành thủ tục tố tụng tại phiên tòa được thực hiện đúng và đầy đủ theo quy định của pháp luật.

- Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến nay, nguyên đơn và bị đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của mình.

2. Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Phạm Thành T được ly hôn chị Lê Thị M.

- Về nuôi con: Không đặt ra giải quyết.

- Về chia tài sản: Không đặt ra giải quyết.

- Về án phí và quyền kháng cáo: Anh Phạm Thành T phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm. Anh T, chị M có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà Hội đồng xét xử nhận định:

I. Về tố tụng:

Chị Lê Thị M hiện đang cư trú tại thôn 5, xã N, huyện C, tỉnh Gia Lai, anh T và chị M có đơn lựa chọn Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình giải quyết vụ án Hôn nhân và gia đình giữa anh T và chị M. Căn cứ theo điểm b Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình thụ lý, giải quyết vụ án. Anh Lê Văn T và chị Lê Thị M có đơn đề nghị được vắng mặt tại phiên tòa. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án theo trình tự vắng mặt anh T và chị M.

II. Về nội dung:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh T và chị M được tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2015. Anh T xin ly hôn, chị M đồng ý ly hôn. Xét thấy trên thực tế cuộc sống chung giữa anh T và chị M đã không còn tồn tại, tình yêu thương đối với nhau không còn, mục đích hôn nhân không đạt được vì vậy cần chấp nhận nguyện vọng xin ly hôn của anh T, xử cho anh T được ly hôn chị M.

[2] Về nuôi con: Anh T và chị M có 02 con chung, hiện cả hai con đã trưởng thành, không bị nhược điểm về thể chất và tinh thần, Tòa án không giải quyết về con chung.

[3] Về chia tài sản: Anh T và chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung.

[4] Về án phí: Anh Phạm Thành T phải nộp tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b Điều 39, Điều 227, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Phạm Thành T được ly hôn chị Lê Thị M.

2. Về nuôi con: Không đặt ra giải quyết.

3. Về chia tài sản: Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Anh Phạm Thành T phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng anh T đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0004752 ngày 15 tháng 6 năm 2020 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình sang thi hành án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Anh Phạm Thành T và chị Lê Thị M có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- Tòa án ND tỉnh Thái Bình;
- VKSND thành phố Thái Bình;
- UBND xã Nghĩa Hưng, huyện ChưPah, tỉnh Gia Lai. (CNKH số 11 quyền số 01 ngày 15/7/1997);
- Lưu: Hồ sơ vụ án;
- Lưu: Văn phòng Tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀN**

Chu Thị Tuyết